

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2021/DSST

Ngày 22/01/2021

V/v: “*Tranh chấp đòi tiền nợ phường*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân
2. Ông Hoàng Ngọc Năm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án
Toà án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi tiền nợ họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Xuân X, sinh năm 1945

Địa chỉ: thôn 2, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lương Thị U, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn 5, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1948

Địa chỉ: thôn 2, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2020)

Tại phiên toà có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ph, vắng mặt bị đơn bà Lương Thị U không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 của nguyên đơn ông Lương Xuân X, bản tự

khai ngày 15/12/2020 và lời trình bày tại phiên hòa giải và phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Lê Thị Ph thể hiện:

Do có mối quan hệ quen biết nên khi bà Lương Thị U' và chồng là ông Ch rủ tôi chơi phường do bà U' cầm cái, tôi đã tham gia chơi một suất từ tháng 03/2017 đến tháng 3/2019. Tôi đóng tiền phường đều đặn hàng tháng, đến ngày 23/7/2019, bà U' lấy số tiền phường đốc ông của tôi là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng). Còn một dây phường khác tôi cũng chơi nhà bà U', chơi đến tháng 09/2019, bà U' tự ý dừng phường. Tổng số tiền phường của dây thứ hai tôi đã đóng cho bà U' là 29.700.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền phường tôi đóng cho bà U' là 81.700.000 đồng (Tám mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng), bà Lương Thị U' có viết giấy nhận nợ tiền phường của tôi và hẹn miệng với tôi là tháng 02/2020 âm lịch sẽ trả cho tôi khoản tiền này. Sau đó tôi có lấy hàng trừ nợ với bà U' với giá trị hàng là 4.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng), bà U' không trả cho tôi đồng nào, dù tôi đã nhiều lần đòi nợ.

Nay để đảm bảo quyền lợi cho mình, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị U' phải trả toàn bộ số tiền nợ phường mà bà U' còn nợ tôi là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng), trả làm một lần, không yêu cầu bà U' phải trả lãi. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, tôi có trình bày là yêu cầu cả bà U' và chồng là ông Ch phải trả khoản nợ phường cho tôi, nhưng thực tế tôi trực tiếp chơi phường với bà U', bà U' tự viết giấy nhận nợ, không liên quan đến ông Ch nên nay tôi chỉ yêu cầu bà U' có nghĩa vụ trả cho tôi khoản nợ tiền phường nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2020, lời trình bày tại biên bản hòa giải của bị đơn bà Lương Thị U' thể hiện:

Tôi có cầm cái phường nhưng vì con phường lấy và bỏ chạy, không đóng tiền cho tôi nên tôi phải dùng phường vào tháng 9/2019 và tôi có vay lại tiền phường nhà ông bà X một chân 52.000.000 đồng. Đến tháng 10/2019 tôi dùng một dây phường và tôi nợ ông bà X 29.700.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng), sau đó ông bà X có xuống bắt nợ bằng hàng hóa của tôi trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Tổng số tiền phường tôi còn nợ ông bà X là 77.700.000 đồng. Do điều kiện đang khó khăn nên quan điểm của tôi là trả dần theo như bà X đã đóng, là mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ph (vợ ông X) thể hiện: vợ chồng tôi chơi phường nhà bà U', số tiền dùng để chơi phường là tiền của hai vợ chồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc ông Lương Xuân X chơi phường do bà Lương Thị U mở dây phường và đứng cái, dây phường chấm dứt sớm, nguyên nhân do một số người chơi đã lấy phường và không tiếp tục đóng, bà U vay lại số tiền đóng phường của ông Lương Xuân X một dây là 52.000.000 đồng và một dây là 29.700.000 đồng. Sau đó ông X và vợ là bà Ph đã lấy nợ bằng hàng của bà U với giá trị là 4.000.000 đồng. Số tiền phường bà U còn nợ ông X là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Như vậy, đây là tranh chấp “Đòi tiền nợ phường” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về bị đơn: Mặc dù trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn đều trình bày bà U và chồng là ông Chnợ tiền phường, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã khẳng định toàn bộ quá trình chơi phường nguyên đơn chỉ giao dịch với bà U, đồng thời trong giấy nhận nợ chỉ bà U ký tên, nguyên nhân không trả được tiền phường là do một số người chơi đã lấy tiền và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng hàng tháng, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bà U có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ họ. Vì vậy, thực tế người nợ tiền phường của ông X là bà U nên xác định bà U là bị đơn trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn là bà Lương Thị U có địa chỉ thường trú tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 20/01/2021, do bị đơn là bà Lương Thị U vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lương Thị U tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân X đề nghị buộc bà Lương Thị U phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ phường còn nợ là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu

đồng), bà U' cũng xác nhận hiện nay đang nợ ông bà X số tiền nêu trên. Nay bà U' do khó khăn nên không thể trả làm một lần toàn bộ số tiền nợ phường như đã hẹn dẫn đến phát sinh tranh chấp về "Đòi tiền nợ phường" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 7, 8 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Bà U' thừa nhận cho đến thời điểm hiện tại đang nợ tiền phường của vợ chồng ông bà X là 77.700.000 đồng. Giấy nhận nợ do bà U' ký nhận, quá trình nhóm họ chưa đem được lợi ích gì về cho gia đình vì các người chơi lấy phường và trốn tránh không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng phường, do đó trách nhiệm trả nợ thuộc về bà U'. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân X, buộc bà U' phải trả cho vợ chồng ông Lương Xuân X và bà Lê Thị Ph số tiền nợ họ còn lại là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về Ph thức trả nợ: Ông Lương Xuân X yêu cầu bà Lương Thị U' phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ họ là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), trả làm một lần. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà U' đề nghị được trả dần hàng tháng với số tiền trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lương Xuân X, buộc bà Lương Thị U' phải trả cho ông X toàn bộ số tiền 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) làm một lần.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lương Thị U' phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: 77.700.000 đồng x 5% = 3.885.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân X. Buộc bà Lương Thị U' phải trả cho ông Lương Xuân X số tiền nợ họ là 77.700.000 đồng (bảy mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn là bà Lương Thị Ư phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.885.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn là bà Lương Thị Ư được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. H;
- Chi cục THA DS h. H;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thư

Đỗ Thế Huân

Lê Thị Ngọc Tú

